

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/2005/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội. Quỹ được thành lập để tiếp nhận vốn từ Ngân sách Nhà nước; huy động các nguồn vốn nhàn rỗi của các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển,

cho vay hỗ trợ các dự án và chương trình mục tiêu quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có các quyền theo pháp luật và chịu trách nhiệm về tài sản trong phạm vi giới hạn số vốn điều lệ do Quỹ quản lý. Quỹ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để phục vụ các hoạt động giao dịch, thanh toán.

4. Hoạt động của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.

5. Quỹ có trách nhiệm đăng ký, kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước về các khoản thuế phải nộp và được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

1. Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn điều lệ và vốn huy động.

1.1. Vốn điều lệ của Quỹ khi thành lập là 1.000 (một nghìn) tỷ đồng Việt Nam, được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Tiếp nhận vốn điều lệ hiện có của Quỹ Phát triển nhà ở thành phố Hà Nội;
- b) Ngân sách Thành phố Hà Nội cấp ngoài phần đã cân đối để thực hiện dự toán chi được giao hàng năm;
- c) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- d) Tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hình thành vốn điều lệ.

Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do UBND thành phố Hà Nội quyết định trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.2. Vốn huy động: Quỹ được huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

- a) Vay trực tiếp từ tổ chức, cá nhân;
- b) Phát hành trái phiếu đầu tư của Quỹ;
- c) Các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

Trong hai năm đầu kể từ ngày Quỹ chính thức đi vào hoạt động, để đảm bảo an toàn vốn, tổng vốn huy động không quá 01 (một) lần vốn điều lệ thực có; trường hợp cần thiết, Quỹ báo cáo Bộ Tài chính quyết định điều chỉnh giới hạn huy động vốn của Quỹ.

2. Vốn nhận ủy thác quản lý

2.1. Quỹ được nhận ủy thác đầu tư, cho vay, thu hồi nợ; nhận ủy thác cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ: Ngân sách Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

2.2. Các nguồn vốn Quỹ nhận ủy thác quản lý nêu tại điểm 2.1 Mục này không tính vào vốn hoạt động của Quỹ.

3. Nguyên tắc sử dụng vốn

Việc sử dụng các nguồn vốn của Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

- 3.1. Tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn;
- 3.2. Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả;
- 3.3. Thu hồi kịp thời vốn gốc và lãi để đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí;
- 3.4. Đáp ứng yêu cầu thanh toán thường xuyên của Quỹ;

4. Giới hạn sử dụng vốn

4.1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các

dự án của Quỹ tối đa bằng 50% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động tại thời điểm thực hiện.

4.2. Giới hạn cho vay đối với một dự án tối đa bằng 15% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

4.3. Giới hạn góp vốn thành lập tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động tại thời điểm thực hiện.

4.4. Giới hạn đầu tư trên thị trường vốn (trừ Trái phiếu Chính phủ) tối đa bằng 20% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động tại thời điểm thực hiện. Giới hạn đầu tư vào một loại chứng khoán tối đa bằng 2% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động tại thời điểm thực hiện.

5. Thanh toán và bảo toàn vốn

5.1. Quỹ có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ, đúng hạn vốn và lãi đối với tất cả các khoản vay trong và ngoài nước, bao gồm cả các khoản tín dụng quốc tế do Chính phủ cho phép Quỹ tiếp nhận.

5.2. Quỹ có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5.3. Khi xảy ra rủi ro, tổn thất vốn, tài sản, Quỹ phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân, mức độ tổn thất và lập phương án xử lý:

a) Trường hợp rủi ro tổn thất do nguyên nhân chủ quan của cá nhân, tập thể thì cá nhân, tập thể gây ra tổn thất tài sản phải bồi thường. Mức độ bồi thường do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Trường hợp rủi ro, tổn thất do các nguyên nhân khách quan sẽ được bù đắp bằng quỹ dự phòng rủi ro. Nếu là rủi ro, tổn thất bất khả kháng do thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn..., thì sau khi đã được nhận tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp mà vẫn không đủ thì Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo rõ nguyên nhân và mức độ thiệt hại để UBND thành phố Hà Nội xem xét, quyết định (sau khi tham khảo ý kiến của Bộ Tài chính).

6. Khấu hao tài sản cố định, chi xây dựng cơ bản, mua sắm và quản lý tài sản cố định

6.1. Quỹ thực hiện chế độ trích và sử dụng khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành như đối với doanh nghiệp nhà nước.

6.2. Nguồn vốn để xây dựng mới, sửa chữa và mua sắm tài sản cố định của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Một phần của vốn điều lệ để xây dựng cơ sở vật chất ban đầu. Mức vốn sử dụng xây dựng cơ sở vật chất ban đầu tối đa không quá 8% vốn điều lệ thực có và do Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo UBND thành phố Hà Nội quyết định.

b) Nguồn vốn khấu hao cơ bản tài sản cố định.

c) Các nguồn vốn khác như nguồn vốn viện trợ của các tổ chức trong và ngoài nước theo các dự án tài trợ.

6.3. Quỹ thực hiện công tác xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định trong phạm vi nguồn vốn xây dựng cơ bản đã có và theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng.

III. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu của Quỹ

- Thu nhập từ hoạt động đầu tư trực tiếp;
- Thu lãi cho vay vốn;
- Thu lãi tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại;
- Thu phí nhận ủy thác theo hợp đồng ủy thác;
- Thu nhập từ hoạt động trên thị trường vốn;
- Thu cấp bù chênh lệch lãi suất do ngân sách thành phố Hà Nội cấp (nếu có);
- Thu từ thanh lý tài sản cố định;
- Các khoản thu khác phát sinh trong quá trình hoạt động.

2. Chi phí hoạt động

2.1. Chi phí nghiệp vụ:

- Chi trả lãi các khoản huy động;
- Chi phí liên quan đến việc góp vốn thành lập tổ chức kinh tế (nếu có);
- Chi trả phí dịch vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác;
- Chi phí cho việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu và huy động vốn;
- Chi phí cho các hoạt động tham gia thị trường vốn;
- Chi phí dịch vụ, hoa hồng môi giới theo dự toán, hợp đồng kinh tế;
- Chi phí phát sinh trong việc thẩm định đầu tư, cho vay, kiểm tra, thu hồi nợ của các dự án đầu tư hoặc các đối tượng được Quỹ cho vay vốn đầu tư;
- Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro. Mức trích cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ quy định hàng năm nhưng không được thấp hơn 0,2% tổng số dư nợ cho vay bình quân trong năm (không kể dư nợ cho vay ủy thác).
- Chi mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật;
- Chi bù đắp tổn thất tài sản theo quy định;
- Các chi phí nghiệp vụ khác.

2.2. Chi phí quản lý:

- Chi lương, các loại phụ cấp lương;
- Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản phải nộp theo lương theo quy định hiện hành;

- Chi trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Việc trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm thực hiện như quy định đối với doanh nghiệp nhà nước;

- Trích kinh phí công đoàn;

- Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành;

- Chi mua sắm công cụ lao động và phương tiện làm việc;

- Chi trả tiền thuê trụ sở làm việc và thuê tài sản cố định khác (nếu có);

- Chi sửa chữa và bảo dưỡng tài sản;

- Chi công tác phí;

- Chi cước phí thông tin tuyên truyền, quảng cáo;

- Chi văn phòng phẩm, ấn chỉ;

- Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

- Chi nghiên cứu khoa học;

- Chi trang phục, phương tiện bảo hộ lao động;

- Chi ăn giữa ca: mức chi mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu Nhà nước quy định cho công nhân viên chức;

- Các khoản chi khác cần thiết, hợp lý khác như điện, nước, vệ sinh, tiếp khách, hội nghị, giao dịch,...

- Chi dự phòng giảm giá tài sản;

- Chi thanh lý tài sản cố định;

- Chi phụ cấp cho các thành viên kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý và các chức danh kiêm nhiệm khác; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước (nếu có);

- Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý thu, chi tài chính của Quỹ

Các khoản thu, chi của Quỹ được hạch toán theo danh mục các khoản thu, chi nêu trên và trên cơ sở các chứng từ hợp lý, hợp lệ.

3.1. Quỹ có trách nhiệm thực hiện thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu phát sinh trong quá trình hoạt động để hạch toán vào thu nhập của Quỹ; không được để các khoản thu ngoài sổ hoặc không hạch toán vào thu nhập.

3.2. Quỹ được chi cho hoạt động của Quỹ theo quy định sau:

a) Các khoản chi nghiệp vụ: theo số thực tế phát sinh của các khoản chi quy định điểm 2.1, mục 2, Phần III Thông tư này.

b) Các khoản chi quản lý:

- Giám đốc Quỹ xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí gián tiếp để trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt làm căn cứ điều hành hoạt động của Quỹ.

- Chi lương: chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp của Quỹ được thực hiện như đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: mọi tài sản cố định của Quỹ phải được huy động vào hoạt động kinh doanh và trích đủ khấu hao theo quy định nêu tại điểm 6.1 mục 6 Phần II Thông tư này.

- Đối với những khoản chi không đúng chế độ, cá nhân quyết định chi phải chịu trách nhiệm bồi hoàn; các khoản chi vượt các định mức được duyệt phải xác định rõ trách nhiệm và có phương án trình UBND thành phố Hà Nội xử lý.

Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

- Các khoản chi vượt định mức Nhà nước quy định;

- Các khoản thuộc nội dung chi của quỹ khen thưởng, phúc lợi như: chi tiền thưởng, trợ cấp khó khăn, chi ủng hộ các tổ chức đoàn thể xã hội, cơ quan, địa phương khác...;

- Các khoản chi thuộc các nguồn kinh phí đài thọ.

4. Phân phối chênh lệch thu chi của Quỹ

4.1. Xác định chênh lệch thu chi:

Chênh lệch thu chi = Thu nhập trừ đi chi phí hợp lý, hợp lệ.

4.2. Phân phối chênh lệch thu chi theo trình tự sau:

a) Thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành;

b) Trừ các khoản: tiền phạt vi phạm kỷ luật nộp thu ngân sách, các khoản chi phí hợp lệ chưa được trừ trước khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp;

c) Trừ các khoản lỗ chưa được trừ vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp;

d) Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);

e) Lợi tức còn lại được trích lập các quỹ sau đây:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: mức trích bằng 15% cho đến khi bằng vốn điều lệ;

- Quỹ dự phòng tài chính: mức trích bằng 10% cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ;

- Quỹ phát triển hoạt động nghiệp vụ: mức trích bằng 50%;

- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi: mức trích hai quỹ thực hiện như đối với doanh nghiệp nhà nước;

Số lợi nhuận còn lại sau khi đã trích các quỹ nêu trên được bổ sung toàn bộ vào quỹ phát triển hoạt động nghiệp vụ.

5. Mục đích sử dụng các Quỹ

5.1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ dùng để bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5.2. Quỹ dự phòng tài chính dùng để xử lý tổn thất về tài chính theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5.3. Quỹ phát triển hoạt động nghiệp vụ dùng để chi cho phát triển các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ (đầu tư, nâng cấp, đổi mới công nghệ, trang bị điều kiện làm việc...).

5.4. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp cho người lao động thường xuyên bị mất việc làm theo quy định của pháp luật, chi cho việc đào tạo lại cán bộ, viên chức của Quỹ.

5.5. Quỹ khen thưởng dùng để thưởng cuối năm hoặc thưởng định kỳ cho cán bộ, viên chức của Quỹ, thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể có những sáng kiến, cải tiến mang lại hiệu quả hoạt động của Quỹ.

5.6. Quỹ phúc lợi dùng để chi xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Quỹ; chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức của Quỹ.

IV. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

1. Quỹ thực hiện thu, chi, mở sổ kế toán, ghi chép chứng từ, hạch toán, quyết toán thu, chi tài chính và lập báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và các quy định của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. Quỹ định kỳ thực hiện việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo tài chính của Quỹ phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo.

5. Quỹ thực hiện công bố, công khai kết quả hoạt động, tài sản, vốn, công nợ của Quỹ hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đã công bố.

6. Quỹ có trách nhiệm báo cáo Quyết toán thuế hàng năm với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan thuế.

7. Quỹ định kỳ báo cáo UBND thành phố Hà Nội, Bộ Tài chính, đồng gửi Sở Tài chính Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội các tài liệu sau đây:

a) Hàng quý, chậm nhất 25 ngày sau khi kết thúc quý:

- Báo cáo nguồn vốn và sử dụng vốn;
- Báo cáo thu nhập và chi phí.

b) Hàng năm, chậm nhất 45 ngày sau khi kết thúc niên độ:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo quyết toán thu nhập, chi phí;
- Báo cáo cân đối nguồn và sử dụng vốn.

Quý chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính theo quy định của pháp luật.

V. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Quý có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt, bao gồm:

1. Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn;
2. Kế hoạch thu chi tài chính;
3. Kế hoạch phân phối chênh lệch thu, chi.

Quý có trách nhiệm gửi Bộ Tài chính, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, Sở Tài chính Hà Nội kế hoạch tài chính đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quý chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển tài sản, tiền vốn của Nhà nước, vốn huy động của các tổ chức cá nhân khác trong quá trình hoạt động theo mục tiêu hoạt động của Quý.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Thị Băng Tâm